

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40/2013/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 05 tháng 9 năm 2013

THÔNG TƯ

**Ban hành Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã
quy định trong các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế
các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp**

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ Sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm;

Căn cứ Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES);

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư ban hành Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2013.

Điều 3. Thông tư này thay thế Thông tư số 59/2010/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 10 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã thuộc quản lý của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hà Công Tuấn

DANH MỤC
CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT HOANG DÃ QUY ĐỊNH TRONG CÁC
PHỤ LỤC CỦA CÔNG ƯỚC VỀ BUÔN BÁN QUỐC TẾ CÁC LOÀI
ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT HOANG DÃ NGUY CẤP

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 40/2013/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 9 năm 2013
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Trong Danh mục này các từ ngữ, ký hiệu dưới đây được hiểu như sau:

1. Loài trong các Phụ lục bao gồm:
 - a) Loài có tên nhất định; hoặc
 - b) Toàn bộ các loài của một đơn vị phân loại sinh học cao hơn hoặc chỉ một phần xác định của đơn vị phân loại đó.
2. Phụ lục của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) bao gồm:
 - a) Phụ lục I là danh mục những loài động vật, thực vật hoang dã bị đe dọa tuyệt chủng, nghiêm cấm xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển và quá cảnh mẫu vật từ tự nhiên vì mục đích thương mại;
 - b) Phụ lục II là danh mục những loài động vật, thực vật hoang dã hiện chưa bị đe dọa tuyệt chủng, nhưng có thể dẫn đến tuyệt chủng, nếu việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển và quá cảnh mẫu vật từ tự nhiên vì mục đích thương mại những loài này không được kiểm soát;
 - c) Phụ lục III là danh mục những loài động vật, thực vật hoang dã mà một nước thành viên CITES yêu cầu nước thành viên khác của CITES hợp tác để kiểm soát việc xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu vì mục đích thương mại.
3. Từ viết tắt “spp.” được dùng để chỉ tất cả các loài của một đơn vị phân loại sinh học cao hơn.
4. Các chỉ dẫn tham khảo khác đối với đơn vị phân loại sinh học cao hơn loài chỉ nhằm mục đích bổ sung thông tin hoặc phân lớp. Các tên gọi phổ thông sau tên khoa học của một họ chỉ mang tính chất tham khảo. Các giải thích này nhằm xác định các loài trong một họ có liên quan được quy định trong các Phụ lục của CITES. Trong hầu hết các trường hợp, không phải tất cả loài trong cùng một họ đều được quy định trong các Phụ lục của CITES.
5. Những từ viết tắt sau đây được sử dụng đối với bậc phân loại thực vật dưới loài:
 - a) “ssp.” được dùng để chỉ phân loài/ loài phụ; và
 - b) “var(s).” được dùng để chỉ đơn vị phân loại dưới loài: thứ
6. Không có loài hoặc một đơn vị phân loại sinh học của thực vật thuộc Phụ lục I được chú giải có liên quan tới loài lai của nó được quy định phù hợp với Điều III

của Công ước, vì vậy cây lai nhân giống nhân tạo từ một hoặc nhiều loài hoặc loài phụ có thể được buôn bán khi có chứng nhận nhân giống nhân tạo. Hạt giống, phần hoa, hoa cắt, cây con và mô của các loài lai này được chứa trong bình (in vitro), trong môi trường rắn hoặc lỏng, được vận chuyển trong vật đựng vô trùng thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước.

7. Tên quốc gia trong ngoặc đơn, sau tên của loài thuộc Phụ lục III là tên các quốc gia thành viên CITES đề xuất đưa loài đó vào Phụ lục.

8. Một loài được đưa vào Phụ lục thì tất cả các bộ phận và dẫn xuất của chúng cũng nằm trong Phụ lục đó, trừ khi có chú giải cụ thể. Dấu (#) đứng trước các số đặt cùng hàng tên của một loài hoặc một đơn vị phân loại sinh học cao hơn thuộc Phụ lục II hoặc III được dùng để xác định các bộ phận hoặc dẫn xuất của loài thực vật được quy định là “mẫu vật” thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước theo Điều I, Khoản b, Điểm iii.

9. Các chú giải tra cứu được quy định tại phần cuối của Danh mục này.

10. Trong Danh mục này, tên gọi chính thức của loài là tên khoa học (Latin). Tên tiếng Việt và tiếng Anh chỉ có giá trị tham khảo.

11. Trong Danh mục này, phần động vật được sắp xếp thứ tự theo mức độ tiến hóa (lớp, bộ, họ...), phần thực vật được sắp xếp theo thứ tự A, B, C...

Phần A

NGÀNH ĐỘNG VẬT CÓ DÂY SỐNG/ PHYLUM CHORDATA

I. LỚP ĐỘNG VẬT CÓ VÚ/ CLASS MAMMALIAS (MAMMALS)

Phụ lục I	Phụ lục II	Phụ lục III
ARTIODACTYLA/ BỘ MÓNG GUỐC NGÓN CHẤM		
Antilocapridae/ Pronghorn/ Họ Linh dương		
<i>Antilocapra americana</i> / Mexican pronghorn antelope/ Sơn dương sừng nhánh mexico (chỉ áp dụng đối với quần thể ở Mexico; các quần thể còn lại không quy định trong Phụ lục)		
Bovidae/ Antelopes, cattle, duikers, gazelles, goats, sheep, etc./ Họ Trâu bò		
<i>Addax nasomaculatus</i> / Addax/ Linh dương sừng xoắn châu phi		
	<i>Ammotragus lervia</i> / Barbary sheep/ Cừu Barbary	

Phụ lục I	Phụ lục II	Phụ lục III
		<i>Antelope cervicapra</i> / Blackbuck antelope/ Sơn dương đen (Nepal)
	<i>Bison bison athabasca</i> / Wood bison/ Bò rừng bison	
<i>Bos gaurus</i> / Gaur/ Bò tốt (trừ loài bò tốt đã được thuần hóa là <i>Bos frontalis</i> không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước)		
<i>Bos mutus</i> / Wild yak/ Bò ma-tu (trừ loài bò nhà <i>Bos grunniens</i> không thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước)		
<i>Bos sauveli</i> / Kouprey/ Bò xám		
		<i>Bubalus arnee</i> / Water buffalo/ Trâu rừng (Nepal) (trừ Trâu nhà được biết là loài <i>Bubalus bubalis</i>)
<i>Bubalus depressicornis</i> / Lowland anoa/ Trâu rừng nhỏ		
<i>Bubalus mindorensis</i> / Tamaraw/ Trâu rừng philippines		
<i>Bubalus quarlesi</i> / Mountain anoa/ Trâu núi		
	<i>Budorcas taxicolor</i> / Takin/ Trâu rừng tây tạng	
<i>Capra falconeri</i> / Markhor/ Sơn dương núi pakistan		
<i>Capricornis milneedwardsii</i> / Chinese Serow/ Sơn dương trung quốc		
<i>Capricornis rubidus</i> / Red serow/ Sơn dương đỏ		
<i>Capricornis sumatraensis</i> / Mainland serow/ Sơn dương đại lục		
<i>Capricornis thar</i> / Himalayan serow/ Sơn dương himalaya		
	<i>Cephalophus brookei</i> / Brooke's duiker/ Linh dương nam châu phi brooke	